PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/2011/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý hoạt động truyền hình trả tiền

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 28 tháng 12 năm 1989; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 04 tháng 12 năm 2009;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Quảng cáo ngày 16 tháng 11 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hoạt động truyền hình trả tiền.

Điều 2. Các đài phát thanh, truyền hình đã được cấp phép hoạt động truyền hình trả tiền trước ngày có hiệu lực của Quy chế này, trong thời hạn 01 (một) năm kể từ

ngày có hiệu lực của Quy chế này phải tổ chức lại mô hình hoạt động truyền hình trả tiền theo quy định của Quy chế này.

Điều 3. Các đơn vị hoạt động truyền hình trả tiền được tổ chức lại theo quy định tại Điều 2 Quyết định này và các doanh nghiệp có hạ tầng kỹ thuật cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền nhưng chưa có giấy phép thiết lập hạ tầng mạng viễn thông trước ngày có hiệu lực của Quy chế này nếu tiếp tục sở hữu hạ tầng kỹ thuật và cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền, phải làm thủ tục đề nghị cấp phép thiết lập hạ tầng mạng viễn thông và cấp phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày có hiệu lực của Quy chế này.

Điều 4. Các đài phát thanh, truyền hình đã được cấp phép cung cấp, biên tập các kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền trước ngày có hiệu lực của Quy chế này, nếu tiếp tục cung cấp kênh chương trình truyền hình nước ngoài trên truyền hình trả tiền phải làm thủ tục đề nghị cấp phép biên tập các kênh chương trình nước ngoài theo quy định tại Quy chế này trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày có hiệu lực của Quy chế này.

Các đại lý ủy quyền cung cấp các kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền tại Việt Nam phải thực hiện việc đăng ký trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày có hiệu lực của Quy chế này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2011 và thay thế Quyết định số 79/2002/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý việc thu các chương trình truyền hình của nước ngoài.

Điều 6. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ trưởng Bộ Tài chính, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan chủ quản các đài phát thanh, đài truyền hình, đài phát thanh - truyền hình trên toàn quốc và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Thiện Nhân

QUY CHẾ
Quản lý hoạt động truyền hình trả tiền

(*Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2011/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ*)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý, cung cấp, sử dụng hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ truyền hình trả tiền và nội dung thông tin trên truyền hình trả tiền tại Việt Nam; quy định việc thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia việc quản lý, cung cấp, sử dụng hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ truyền hình trả tiền và nội dung thông tin trên truyền hình trả tiền tại Việt Nam; các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, lắp đặt thiết bị thu và sử dụng tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh tại Việt Nam.

2. Trong trường hợp các Điều ước quốc tế liên quan đến truyền hình trả tiền mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với Quy chế này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Dịch vụ truyền hình trả tiền là dịch vụ ứng dụng viễn thông để truyền dẫn, phân phối các kênh chương trình, chương trình truyền hình trả tiền và các dịch vụ giá trị gia tăng trên hạ tầng kỹ thuật cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền đến thuê bao truyền hình trả tiền theo hợp đồng cung cấp dịch vụ hoặc các thỏa thuận có tính ràng buộc tương đương (gọi là Hợp đồng cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền).

Dịch vụ truyền hình trả tiền có thể được cung cấp trực tiếp (dịch vụ truyền hình trực tuyến) hoặc theo yêu cầu (dịch vụ truyền hình theo yêu cầu) đến thuê bao truyền hình trả tiền.

2. Dịch vụ truyền hình trực tuyến là dịch vụ truyền hình trả tiền cung cấp trực tiếp các kênh chương trình đến thuê bao truyền hình trả tiền không qua thiết bị lưu trữ, làm chậm của đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

3. Dịch vụ truyền hình theo yêu cầu là dịch vụ truyền hình trả tiền thực hiện việc lưu trữ các chương trình, kênh chương trình truyền hình trả tiền và cung cấp đến thuê bao truyền hình trả tiền theo yêu cầu của thuê bao truyền hình trả tiền.

4. Kênh chương trình truyền hình trả tiền là kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài được cung cấp đến thuê bao truyền hình trả tiền. Kênh chương trình bao gồm các chương trình.

5. Kênh chương trình trong nước là kênh chương trình phát thanh, truyền hình do các đơn vị có giấy phép hoạt động báo chí trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình (báo nói, báo hình) của Việt Nam sản xuất hoặc liên kết sản xuất theo quy định của pháp luật.

6. Kênh chương trình nước ngoài là kênh chương trình phát thanh, truyền hình do các hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài sản xuất, có ngôn ngữ thể hiện bằng tiếng nước ngoài.

7. Dịch vụ giá trị gia tăng trên truyền hình trả tiền (gọi tắt là dịch vụ giá trị gia tăng) là các dịch vụ làm tăng thêm tiện ích về thông tin được gửi kèm theo hoặc xen kẽ các kênh chương trình truyền hình trả tiền và được hiển thị trên thiết bị nghe nhìn của thuê bao truyền hình trả tiền.

8. Hạ tầng kỹ thuật cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền (gọi tắt là Hạ tầng kỹ thuật truyền hình trả tiền) là hạ tầng mạng viễn thông có tính năng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

Hạ tầng kỹ thuật truyền hình trả tiền cung cấp tín hiệu cho thuê bao truyền hình trả tiền tại điểm kết cuối theo quy định của pháp luật về viễn thông.

9. Thuê bao truyền hình trả tiền (gọi tắt là Thuê bao) là tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ truyền hình trả tiền của đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

10. Thiết bị đầu cuối thuê bao truyền hình trả tiền (gọi tắt là Thiết bị đầu cuối) là thiết bị mà thuê bao sử dụng để kết nối với điểm kết cuối của hạ tầng kỹ thuật truyền hình trả tiền để nhận tín hiệu của đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

Điều 4. Chính sách quản lý truyền hình trả tiền

1. Khuyến khích phát triển truyền hình trả tiền theo công nghệ hiện đại nhằm hỗ trợ việc truyền tải các kênh chương trình phát thanh, truyền hình vừa phục vụ nhiệm vụ chính trị thông tin tuyên truyền của Đảng và Nhà nước, vừa đáp ứng nhu cầu thông tin giải trí ngày càng đa dạng của người dân.

2. Khuyến khích phát triển các chương trình, kênh chương trình trong nước nhằm góp phần nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần lành mạnh của người dân, bảo vệ và phát huy truyền thống lịch sử, văn hóa tốt đẹp của dân tộc, góp phần hiệu quả xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

3. Quản lý chặt chẽ việc cung cấp nội dung các chương trình, kênh chương trình truyền hình trả tiền theo quy định của pháp luật về báo chí; quản lý hạ tầng kỹ thuật truyền hình trả tiền theo quy định của pháp luật về viễn thông; bảo đảm phát triển thị trường truyền hình trả tiền có cạnh tranh lành mạnh, vừa đáp ứng nhu cầu thông tin giải trí đa dạng của người dân, vừa phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

4. Khuyến khích thành lập Hiệp hội truyền hình trả tiền để góp phần thúc đẩy phát triển thị trường truyền hình trả tiền phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Chương II

THU TÍN HIỆU TRUYỀN HÌNH TRỰC TIẾP TỪ VỆ TINH

Điều 5. Thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh thuộc dịch vụ truyền hình trả tiền của Việt Nam

Thuê bao truyền hình trả tiền được lắp đặt thiết bị thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh để sử dụng dịch vụ truyền hình trả tiền do các đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền của Việt Nam cung cấp.

Điều 6. Thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh không thuộc dịch vụ truyền hình trả tiền của Việt Nam

Thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh không thuộc dịch vụ truyền hình trả tiền là thu tín hiệu truyền hình nước ngoài, kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.

1. Các đối tượng sau đây được thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh để khai thác thông tin phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ:

a) Các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Các cơ quan báo chí;

c) Các cơ quan, tổ chức ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam;

d) Văn phòng đại diện, văn phòng thường trú của các hãng thông tấn, báo chí nước ngoài tại Việt Nam.

2. Các tổ chức không quy định tại khoản 1 Điều này có người nước ngoài làm việc và cá nhân người nước ngoài chỉ được thu kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh nếu các kênh chương trình đó chưa được cung cấp trên hệ thống truyền hình trả tiền của Việt Nam tại địa phương nơi tổ chức, cá nhân đó đặt thiết bị thu tín hiệu.

3. Các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải thực hiện việc đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh với Sở Thông tin và Truyền thông tại địa phương nơi đặt thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.

Điều 7. Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh

1. Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm quản lý và xét, cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh trên địa bàn địa phương mình.

2. Thủ tục đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh được quy định như sau:

a) Hồ sơ gồm:

- Tờ khai đăng ký theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;

- Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập đối với các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 6; Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 6 hoặc thẻ thường trú đối với cá nhân người nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 6;

- Bản sao có chứng thực văn bản thuê, mượn địa điểm lắp đặt thiết bị trong trường hợp thiết bị không được lắp đặt tại địa điểm ghi trong Giấy phép thành lập, Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc thẻ thường trú.

Hồ sơ lập thành 01 bộ (bản chính) nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi lắp đặt thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.

Trường hợp không cấp đăng ký, Sở Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời và nói rõ lý do. Tổ chức, cá nhân bị từ chối cấp đăng ký có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Mẫu chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

c) Chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh có giá trị tối đa 05 năm kể từ ngày cấp đăng ký nhưng không quá thời hạn có hiệu lực ghi trong Giấy phép thành lập, Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc thẻ thường trú của các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Quy chế này;

d) Thay đổi danh mục kênh truyền hình nước ngoài, địa điểm lắp đặt và thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh đã được quy định trong chứng nhận đăng ký phải thực hiện việc đăng ký sửa đổi, bổ sung.

Hồ sơ, thủ tục sửa đổi, bổ sung chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh gồm:

- Văn bản đề nghị nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung;

- Đối với trường hợp thay đổi địa điểm lắp đặt, cần có bản sao có chứng thực văn bản chứng minh quyền sở hữu, thuê, mượn địa điểm mới.

Hồ sơ lập thành 01 bộ (bản chính) nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi lắp đặt thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.

Trường hợp không cấp đăng ký, Sở Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời và nói rõ lý do. Tổ chức, cá nhân bị từ chối cấp đăng ký có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

đ) Thay đổi, bổ sung các nội dung khác đã được quy định trong chứng nhận đăng ký phải thông báo bằng văn bản cho Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi lắp đặt thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.

Chương III

QUẢN LÝ, CUNG CẤP NỘI DUNG TRÊN TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

Điều 8. Đơn vị cung cấp nội dung

Đơn vị cung cấp nội dung trên truyền hình trả tiền là đơn vị có giấy phép hoạt động báo chí trong lĩnh vực truyền hình (báo hình) của Việt Nam, được phép cung cấp chương trình, kênh chương trình cho các đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền theo quy định tại Chương III Quy chế này.

Điều 9. Kênh chương trình trong nước trên truyền hình trả tiền

Các kênh chương trình trong nước được cung cấp trên truyền hình trả tiền bao gồm:

1. Các kênh chương trình đang được phát sóng quảng bá theo quy định của pháp luật về báo chí.

2. Các kênh chương trình được cấp phép sản xuất cho truyền hình trả tiền theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 10. Cấp phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trả tiền

Đơn vị đề nghị cấp phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trả tiền phải là cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động báo chí trong lĩnh vực truyền hình. Thủ tục cấp phép như sau:

1. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trả tiền theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

- Bản sao có chứng thực giấy phép hoạt động báo chí trong lĩnh vực truyền hình.

- Đề án sản xuất kênh chương trình, trong đó nêu rõ mục đích sản xuất, tên kênh chương trình, tôn chỉ mục đích của kênh chương trình, nội dung kênh chương trình, thời gian, thời lượng phát sóng, khung chương trình dự kiến (01 tháng), đối tượng khán giả, năng lực sản xuất kênh chương trình (cơ sở vật chất, nhân lực và tài chính), quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình, phương thức kỹ thuật phân phối kênh chương trình đến các đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền, hiệu quả kinh tế xã hội khi sản xuất kênh chương trình.

Trường hợp đề nghị cấp phép sản xuất nhiều kênh chương trình phải làm đề án riêng đối với từng kênh chương trình cụ thể.

- Văn bản phê duyệt Đề án sản xuất kênh chương trình truyền hình trả tiền của cơ quan chủ quản đối với các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các Bộ, ngành; đối với các cơ quan báo chí Trung ương, đề án sản xuất phải được người đứng đầu cơ quan báo chí phê duyệt.

Hồ sơ lập thành 02 bộ (01 bộ là bản chính, 01 bộ là bản sao) nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Cục Quản lý Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử (Bộ Thông tin và Truyền thông).

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trả tiền.

Trường hợp không cấp phép, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời và nói rõ lý do. Đơn vị bị từ chối cấp phép có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

3. Sau 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, nếu đơn vị được cấp Giấy phép không thực hiện việc sản xuất kênh chương trình truyền hình trả tiền thì Giấy phép không còn giá trị. Nếu muốn tiếp tục sản xuất kênh chương trình truyền hình trả tiền, phải làm thủ tục đề nghị cấp phép lại.

4. Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trả tiền có giá trị tối đa 10 năm kể từ ngày ký và có thể được gia hạn nhưng không vượt quá thời hạn có hiệu lực ghi trong Giấy phép hoạt động báo chí trong lĩnh vực truyền hình. Đơn vị có Giấy phép được chủ động cung cấp kênh chương trình được sản xuất theo giấy phép cho các đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền trong cả nước.

5. Khi thay đổi một trong những nội dung ghi trong Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trả tiền đã được cấp phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép:

a) Thay đổi tôn chỉ, mục đích của kênh chương trình: hồ sơ, thủ tục áp dụng như hồ sơ, thủ tục cấp phép mới;

b) Thay đổi các nội dung khác ghi trong Giấy phép, hồ sơ, thủ tục gồm:

- Văn bản đề nghị nêu rõ lý do và nội dung đề nghị thay đổi;

- Bản sao có chứng thực giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trả tiền;

- Văn bản chấp thuận đề nghị thay đổi của cơ quan chủ quản đối với các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc của các Bộ, ngành.

Hồ sơ lập thành 02 bộ (01 bộ là bản chính, 01 bộ là bản sao) nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Cục Quản lý Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử (Bộ Thông tin và Truyền thông).

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trả tiền.

Trường hợp không cấp phép sửa đổi, bổ sung, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời và nói rõ lý do. Đơn vị bị từ chối cấp phép có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Các kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền

Các kênh chương trình nước ngoài cung cấp trên truyền hình trả tiền tại Việt Nam phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Có nội dung phù hợp với nhu cầu lành mạnh của người dân, không vi phạm những quy định của pháp luật về báo chí của Việt Nam.

2. Có văn bản chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với kênh chương trình được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của quốc gia mà hãng truyền hình nước ngoài sở hữu kênh chương trình đó đăng ký hoạt động.

3. Có Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

4. Được biên tập, biên dịch bởi một đơn vị được cấp phép biên tập kênh chương trình nước ngoài theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

5. Không bao gồm thông tin quảng cáo được cài đặt sẵn từ nước ngoài. Hoạt động quảng cáo (nếu có) phải được thực hiện tại Việt Nam và tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về quảng cáo; phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam thông qua đại lý được ủy quyền tại Việt Nam.

Điều 12. Đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền

1. Các Hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài muốn cung cấp kênh chương trình nước ngoài vào Việt Nam nhằm mục đích kinh doanh trên truyền hình trả tiền phải thông qua đại lý được ủy quyền tại Việt Nam để thực hiện việc đăng ký cung cấp kênh chương trình và thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước Việt Nam.

2. Đại lý được ủy quyền là doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có ngành nghề đăng ký kinh doanh phù hợp với việc làm đại lý cung cấp kênh chương trình nước ngoài vào Việt Nam và được các hãng phát thanh, truyền hình

nước ngoài ủy quyền làm đại lý cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền tại Việt Nam.

3. Đại lý được ủy quyền có trách nhiệm đăng ký cung cấp các kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền tại Việt Nam với Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Thủ tục đăng ký

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;

- Bản sao Giấy phép hoạt động của Hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài là chủ sở hữu kênh chương trình nước ngoài kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực;

- Văn bản chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với kênh chương trình được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của quốc gia mà hãng truyền hình nước ngoài sở hữu kênh chương trình đó đăng ký hoạt động kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài);

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép đầu tư của Đại lý được ủy quyền;

- Bản sao có chứng thực văn bản xác nhận của chủ sở hữu kênh truyền hình nước ngoài về việc ủy quyền cho doanh nghiệp làm đại lý cung cấp các kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài);

- Văn bản mô tả của Hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài về nội dung kênh chương trình, khung phát sóng của kênh chương trình trong 01 tháng kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài).

Hồ sơ lập thành 02 bộ (01 bộ là bản chính, 01 bộ là bản sao) nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Cục Quản lý Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử (Bộ Thông tin và Truyền thông).

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền, trong đó quy định rõ yêu cầu biên tập, biên dịch đối với kênh chương trình được cấp Giấy chứng nhận đăng ký.

Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền có giá trị tối đa 05 năm, kể từ ngày ký nhưng không vượt quá thời hạn

có hiệu lực ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép đầu tư của Đại lý được ủy quyền và thời hạn có hiệu lực ghi trong văn bản ủy quyền làm đại lý.

Trường hợp không cấp đăng ký, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời và nói rõ lý do. Đơn vị bị từ chối cấp đăng ký có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

5. Khi thay đổi một trong những nội dung đã được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký phải thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký:

a) Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp đăng ký thay đổi nội dung của kênh chương trình áp dụng như hồ sơ, thủ tục cấp phép mới;

b) Hồ sơ đề nghị cấp đăng ký thay đổi các nội dung khác ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký gồm:

- Văn bản đề nghị nêu rõ lý do và nội dung đề nghị thay đổi;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền;

- Văn bản mô tả của Hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài về thời gian, thời lượng, khung phát sóng của kênh chương trình trong 01 tháng kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực (nếu văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài) trong trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến thời gian, thời lượng, khung phát sóng của kênh chương trình.

Hồ sơ lập thành 02 bộ (01 bộ là bản chính, 01 bộ là bản sao) nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Cục Quản lý Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử (Bộ Thông tin và Truyền thông).

c) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp đăng ký sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền.

Trường hợp không cấp đăng ký, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời và nói rõ lý do. Đơn vị bị từ chối cấp đăng ký có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

6. Các Đại lý được ủy quyền phải trả lệ phí đăng ký cho cơ quan quản lý nhà nước về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoặc sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể mức lệ phí cấp đăng ký lần đầu hoặc sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp

kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền; các nghĩa vụ tài chính của các hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài, các đại lý được ủy quyền khi cung cấp kênh chương trình nước ngoài nhằm mục đích kinh doanh trên truyền hình trả tiền tại Việt Nam.

7. Đại lý được ủy quyền cung cấp kênh chương trình nước ngoài có trách nhiệm:

a) Thực hiện đúng các quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp;

b) Thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền

1. Tất cả các kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền tại Việt Nam phải được biên tập bảo đảm nội dung các kênh chương trình không trái với quy định của pháp luật Việt Nam về báo chí và quảng cáo, trừ việc tường thuật trực tiếp các trận thi đấu thể thao, lễ khai mạc, lễ bế mạc các giải thi đấu thể thao quy mô khu vực và thế giới.

2. Việc biên dịch được thực hiện tùy theo loại kênh chương trình nước ngoài, cụ thể như sau:

a) Đối với kênh phim truyện: biên dịch 100% nội dung kênh chương trình;

b) Đối với kênh tin tức: lược dịch 100% nội dung kênh chương trình;

c) Đối với kênh khoa học, giáo dục: biên dịch 100% nội dung chương trình tin tức;

d) Đối với kênh tổng hợp, kênh giải trí tổng hợp, kênh thể thao, ca nhạc: biên dịch 100% các chương trình tin tức, phóng sự, tài liệu.

Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định việc phân loại kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền.

Điều 14. Cấp phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền

1. Việc cấp phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền được thực hiện với từng kênh chương trình. Điều kiện cấp phép như sau:

a) Là cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động báo chí trong lĩnh vực truyền hình;

b) Có văn bản chấp thuận của cơ quan chủ quản đối với cơ quan báo chí thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Bộ, ngành;

c) Có nhân sự đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn báo chí và trình độ ngoại ngữ phù hợp với kênh chương trình nước ngoài đề nghị cấp phép biên tập;

d) Có năng lực kỹ thuật gồm hệ thống thiết bị làm chậm, thiết bị lưu trữ, phương tiện kỹ thuật thu phát tín hiệu phù hợp với việc biên tập kênh chương trình; bảo đảm công tác biên tập, biên dịch được thực hiện và hoàn chỉnh tại Việt Nam theo quy định tại Điều 13 Quy chế này;

đ) Có năng lực tài chính cần thiết thể hiện bởi dự toán chi phí biên tập, biên dịch trong 01 năm và văn bản chứng minh nguồn tài chính hợp pháp để thực hiện công tác biên tập, biên dịch theo dự toán;

e) Có bản quyền sử dụng kênh chương trình nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Thủ tục cấp phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền quy định như sau:

a) Hồ sơ cấp phép gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;

- Bản sao có chứng thực Giấy phép hoạt động báo chí trong lĩnh vực truyền hình;

- Đề án biên tập kênh chương trình nước ngoài thể hiện các nội dung theo quy định tại điểm c, d, đ khoản 1 Điều này kèm theo dự toán chi phí được phê duyệt bởi cơ quan chủ quản báo chí đối với cơ quan báo chí thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Bộ, ngành, hoặc được người đứng đầu cơ quan báo chí phê duyệt đối với các cơ quan báo chí Trung ương;

- Bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận bản quyền kênh chương trình nước ngoài. Trường hợp văn bản thỏa thuận bằng tiếng nước ngoài phải dịch sang tiếng Việt và chứng thực đối với bản dịch.

Hồ sơ lập thành 02 bộ (01 bộ là bản chính, 01 bộ là bản sao) nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Cục Quản lý Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử (Bộ Thông tin và Truyền thông).

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền.

Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền có giá trị tối đa 10 năm kể từ ngày ký, nhưng không quá thời hạn có hiệu lực ghi trong

Giấy phép hoạt động báo chí trong lĩnh vực truyền hình và thời hạn ghi trong hợp đồng bản quyền.

Trường hợp không cấp phép, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời và nói rõ lý do. Đơn vị bị từ chối cấp phép có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

3. Khi thay đổi một trong các nội dung Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền đã được cấp phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép:

a) Trường hợp nội dung kênh chương trình nước ngoài thay đổi thì hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền áp dụng như thủ tục cấp phép mới;

b) Thay đổi các nội dung khác ghi trong Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền, hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị nêu rõ lý do và nội dung đề nghị thay đổi;

- Bản sao có chứng thực Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền;

- Văn bản chấp thuận đề nghị thay đổi của cơ quan chủ quản đối với các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc của các Bộ, ngành.

Hồ sơ lập thành 02 bộ (01 bộ là bản chính, 01 bộ là bản sao) nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Cục Quản lý Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử (Bộ Thông tin và Truyền thông).

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền.

Trường hợp không cấp phép sửa đổi, bổ sung, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời và nói rõ lý do. Đơn vị bị từ chối cấp phép có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Chương trình trên dịch vụ truyền hình theo yêu cầu

1. Đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền được phép lưu trữ và cung cấp các chương trình trên dịch vụ truyền hình theo yêu cầu.

2. Các chương trình được phép cung cấp trên dịch vụ truyền hình theo yêu cầu bao gồm:

a) Các chương trình thuộc các kênh chương trình được phép cung cấp trên truyền hình trả tiền;

b) Các chương trình phim, chương trình ca nhạc được cung cấp bởi các đơn vị có giấy phép hoạt động báo chí trong lĩnh vực truyền hình bảo đảm nội dung phù hợp với các quy định của pháp luật về báo chí và các quy định của pháp luật chuyên ngành khác.

Điều 16. Bản quyền kênh chương trình trên truyền hình trả tiền

1. Các kênh chương trình trong nước phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu được tiếp phát nguyên vẹn trên truyền hình trả tiền tại lãnh thổ Việt Nam không cần thỏa thuận về bản quyền.

2. Các kênh chương trình còn lại trên hệ thống truyền hình trả tiền, các chương trình trên dịch vụ truyền hình theo yêu cầu phải bảo đảm các yêu cầu về bản quyền như sau:

a) Có văn bản chứng minh bản quyền hợp pháp;

b) Bảo đảm tính nguyên vẹn của kênh chương trình, chương trình, trừ trường hợp cài đặt lôgô của đơn vị cung cấp dịch vụ theo quy định tại Điều 18 Quy chế này hoặc xử lý nội dung vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 17. Thông tin quảng cáo, tin nhắn trên truyền hình trả tiền

1. Việc quảng cáo và thông tin tin nhắn trên truyền hình trả tiền phải tuân theo các quy định của pháp luật Việt Nam về báo chí và quảng cáo.

2. Đơn vị cung cấp nội dung kênh chương trình truyền hình trả tiền chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung quảng cáo và tin nhắn trên kênh chương trình do mình cung cấp.

3. Trường hợp chạy thông tin quảng cáo, tin nhắn trên màn hình thì thông tin quảng cáo, tin nhắn phải nằm dưới chân màn hình.

4. Đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền không được cắt, chèn, thay thế các thông tin quảng cáo, tin nhắn trên các chương trình truyền hình trả tiền, trừ trường hợp xử lý nội dung vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 18. Tên, biểu tượng đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền

Đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền phải cài đặt tên, biểu tượng dịch vụ trên kênh chương trình để nhận dạng dịch vụ của mình theo các quy định sau:

1. Có khả năng nhận dạng dễ dàng.

2. Không vượt quá 10 (mười) ký tự và không trùng với tên, biểu tượng đã đăng ký trước đó.

3. Đặt ở phía trên, có vị trí cố định đối với tất cả các kênh chương trình trên dịch vụ của mình và không chồng lên biểu tượng của đơn vị cung cấp nội dung.

4. Đăng ký cùng với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền hoặc hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

Chương IV
QUẢN LÝ, CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

Điều 19. Đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền

Đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền là doanh nghiệp được cấp phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền, sử dụng hạ tầng của đơn vị cung cấp hạ tầng kỹ thuật truyền hình trả tiền để truyền tải nguyên vẹn nội dung chương trình, kênh chương trình được cung cấp bởi đơn vị cung cấp nội dung đến thuê bao truyền hình trả tiền.

Điều 20. Các loại hình dịch vụ truyền hình trả tiền

Các loại hình dịch vụ truyền hình trả tiền được phân chia theo phương thức truyền dẫn phát sóng, bao gồm:

1. Dịch vụ truyền hình cáp: là một loại hình dịch vụ truyền hình trả tiền chủ yếu sử dụng hạ tầng kỹ thuật mạng cáp với các công nghệ khác nhau (tương tự, số, IPTV) để phân phối nội dung thông tin trên truyền hình trả tiền trực tiếp đến thuê bao truyền hình trả tiền.

2. Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số: là một loại hình dịch vụ truyền hình trả tiền chủ yếu sử dụng hạ tầng kỹ thuật mạng phát sóng truyền hình mặt đất kỹ thuật số (DVB-T) để phân phối nội dung thông tin trên truyền hình trả tiền trực tiếp đến thuê bao truyền hình trả tiền.

3. Dịch vụ truyền hình trực tiếp qua vệ tinh: là một loại hình dịch vụ truyền hình trả tiền chủ yếu sử dụng hạ tầng kỹ thuật phát sóng trực tiếp qua vệ tinh (DTH) để phân phối nội dung thông tin trên truyền hình trả tiền trực tiếp đến thuê bao truyền hình trả tiền.

4. Dịch vụ truyền hình di động: là một loại hình dịch vụ truyền hình trả tiền chủ yếu sử dụng hạ tầng kỹ thuật mạng phát sóng truyền hình di động mặt đất kỹ thuật số, truyền hình di động vệ tinh kỹ thuật số hoặc mạng viễn thông di động để phân phối nội dung thông tin trên truyền hình trả tiền trực tiếp đến thuê bao truyền hình trả tiền.

Điều 21. Các gói dịch vụ trên truyền hình trả tiền

1. Gói dịch vụ cơ bản là gói dịch vụ bao gồm các kênh chương trình tối thiểu với mức giá thấp nhất trong các gói dịch vụ mà đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền phải cung cấp đến thuê bao và phải được thể hiện trong hợp đồng cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

Gói dịch vụ cơ bản phải bao gồm các kênh chương trình quảng bá phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu theo quy định:

a) Đối với những kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia phải cung cấp đến tất cả các thuê bao truyền hình trả tiền;

b) Đối với những kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương phải cung cấp đến các thuê bao truyền hình trả tiền trên địa phương đó trong trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền sử dụng công nghệ truyền dẫn phát sóng có khả năng chèn hoặc thay thế kênh chương trình để phủ sóng theo từng địa bàn hành chính.

Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể danh mục kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và danh mục kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu địa phương phù hợp với yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền trong từng giai đoạn.

2. Gói dịch vụ nâng cao là các gói dịch vụ có các chương trình khác nhau với mức phí khác nhau do đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền cung cấp tùy theo nhu cầu của thuê bao.

Điều 22. Yêu cầu về chất lượng dịch vụ truyền hình trả tiền

Các đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền có trách nhiệm thực hiện quy định về quản lý chất lượng dịch vụ như sau:

1. Thực hiện công bố chất lượng dịch vụ theo quy định.

2. Thường xuyên tự kiểm tra, giám sát và bảo đảm cung cấp dịch vụ cho thuê bao truyền hình trả tiền theo đúng chất lượng quy định hoặc chất lượng đã công bố.

3. Thực hiện ngay các biện pháp cần thiết để khắc phục khi có sự cố, bảo đảm chất lượng dịch vụ.

4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng dịch vụ truyền hình trả tiền theo quy định của pháp luật.

Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện thủ tục công bố chất lượng, thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ truyền hình trả tiền.

Điều 23. Cấp phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền

Điều kiện, thủ tục cấp phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền được quy định như sau:

1. Điều kiện cấp phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải được sự chấp thuận về chủ trương của Thủ tướng Chính phủ theo các quy định về lĩnh vực đầu tư có điều kiện áp dụng cho nhà đầu tư nước ngoài;

b) Có giấy phép thiết lập mạng viễn thông đáp ứng điều kiện kỹ thuật dịch vụ truyền hình trả tiền, hoặc có thỏa thuận bảo đảm được thuê, sử dụng hạ tầng mạng viễn thông đáp ứng yêu cầu kỹ thuật dịch vụ truyền hình trả tiền;

c) Có dự toán chi phí hoạt động ít nhất trong 02 năm và văn bản chứng minh nguồn tài chính hợp pháp đáp ứng yêu cầu triển khai cung cấp dịch vụ theo dự toán;

d) Có phương án thiết lập trung tâm thu phát tất cả các kênh chương trình truyền hình trả tiền tập trung tại một địa điểm (không kể địa điểm dự phòng), trừ các kênh chương trình thuộc danh mục kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương;

đ) Có phương án áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại và phương án quản lý thuê bao, kinh doanh dịch vụ khả thi, phù hợp với các quy định của pháp luật;

e) Có phương án xử lý sự cố về kỹ thuật kịp thời bảo đảm chất lượng dịch vụ và quyền lợi của thuê bao;

g) Có phương án bảo đảm nguồn nhân lực và trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh thông tin đối với trung tâm thu phát tín hiệu và dịch vụ truyền hình trả tiền do mình cung cấp;

h) Phù hợp với các quy hoạch phát triển trong lĩnh vực truyền hình và đáp ứng nhu cầu xã hội trước mắt cũng như lâu dài.

2. Thủ tục cấp phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản sao có chứng thực Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp;

- Đề án cung cấp dịch vụ trong đó nêu rõ công nghệ sử dụng, loại hình dịch vụ, phạm vi cung cấp dịch vụ và các nội dung quy định tại khoản c, d, đ, e, g khoản 1 Điều này;

- Bản sao có chứng thực Giấy phép thiết lập mạng viễn thông hoặc văn bản thỏa thuận thuê, sử dụng hạ tầng mạng của đơn vị có hạ tầng mạng viễn thông;

Hồ sơ lập thành 02 bộ (01 bộ là bản chính, 01 bộ là bản sao) nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Cục Quản lý Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử (Bộ Thông tin và Truyền thông).

b) Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

Giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền có giá trị tối đa 10 năm kể từ ngày ký nhưng không vượt quá thời hạn có hiệu lực ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép đầu tư và thời hạn có hiệu lực ghi trong Giấy phép thiết lập mạng viễn thông hoặc văn bản thỏa thuận thuê, sử dụng hạ tầng mạng viễn thông.

Trường hợp không cấp phép, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời và nói rõ lý do. Đơn vị bị từ chối cấp phép có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

c) Sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, nếu đơn vị được cấp phép không thực hiện việc cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền trên thực tế thì Giấy phép không còn giá trị. Nếu muốn tiếp tục cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền phải làm thủ tục đề nghị cấp phép lại.

3. Khi thay đổi một trong những nội dung ghi trong Giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền đã được cấp phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép:

a) Trường hợp thay đổi trung tâm thu phát, công nghệ kỹ thuật, loại hình dịch vụ thì hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền áp dụng như thủ tục cấp phép mới.

b) Thay đổi các nội dung khác ghi trong Giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền, hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị nêu rõ lý do và nội dung đề nghị thay đổi;

- Bản sao có chứng thực Giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền;

Hồ sơ lập thành 02 bộ (01 bộ là bản chính, 01 bộ là bản sao) nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho Cục Quản lý Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử (Bộ Thông tin và Truyền thông).

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

Trường hợp không cấp phép sửa đổi, bổ sung, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời và nói rõ lý do. Đơn vị bị từ chối cấp phép có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

4. Đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền phải trả phí quyền cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

Điều 24. Đăng ký tên đơn vị cung cấp phim kèm theo danh mục các chương trình phim trên dịch vụ truyền hình theo yêu cầu, danh mục kênh chương trình của đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền

1. Các đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền phải thực hiện việc đăng ký danh mục các kênh chương trình trên dịch vụ truyền hình trả tiền mà mình cung cấp. Trường hợp cung cấp chương trình phim trên dịch vụ truyền hình theo yêu cầu, phải đăng ký tên đơn vị cung cấp phim kèm theo danh mục các chương trình phim.

2. Hồ sơ đăng ký lần đầu được thực hiện cùng với hồ sơ đề nghị cấp phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

Sau khi Bộ Thông tin và Truyền thông cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền, Cục Quản lý Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử (Bộ Thông tin và Truyền thông) xem xét cấp đăng ký danh mục các kênh chương trình truyền hình trả tiền và tên đơn vị cung cấp phim kèm theo danh mục các chương trình phim trên truyền hình theo yêu cầu.

3. Trong quá trình triển khai cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền, nếu có thay đổi so với danh mục đã đăng ký, các đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền phải thực hiện đăng ký sửa đổi, bổ sung.

4. Thủ tục đăng ký, đăng ký sửa đổi, bổ sung tên đơn vị cung cấp phim kèm danh mục các chương trình phim trên dịch vụ truyền hình theo yêu cầu, danh mục kênh chương trình truyền hình trả tiền như sau:

a) Hồ sơ gồm:

- Tờ khai đăng ký, đăng ký sửa đổi, bổ sung tên đơn vị cung cấp phim kèm danh mục các chương trình phim trên dịch vụ truyền hình theo yêu cầu, danh mục kênh chương trình truyền hình trả tiền theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;

- Bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận bản quyền đối với chương trình phim, kênh chương trình đăng ký.

Hồ sơ lập thành 02 bộ (01 bộ là bản chính, 01 bộ là bản sao) gửi trực tiếp tại Cục Quản lý Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử (Bộ Thông tin và Truyền thông).

b) Đối với hồ sơ đăng ký lần đầu hoặc đăng ký sửa đổi, bổ sung tên đơn vị cung cấp phim kèm theo danh mục các chương trình phim trên dịch vụ truyền hình theo yêu cầu, danh mục kênh chương trình truyền hình trả tiền, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Quản lý Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử có trách nhiệm xem xét cấp đăng ký tên đơn vị cung cấp phim kèm theo danh mục các chương trình phim, danh mục kênh chương trình truyền hình trả tiền.

Trường hợp không cấp đăng ký, Cục Quản lý Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử có văn bản trả lời và nói rõ lý do. Đơn vị bị từ chối cấp đăng ký có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền

1. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý, cung cấp nội dung trên truyền hình trả tiền được quy định tại Chương III Quy chế này.

2. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý, cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền được quy định tại Chương IV Quy chế này.

3. Thực hiện các quy định về quản lý giá dịch vụ.

4. Chấp hành các quy định của Nhà nước về phí, lệ phí.

5. Thực hiện đúng các quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền được cấp.

6. Được sử dụng thiết bị cài đặt lô gô để cài đặt tên, biểu tượng nhận dạng dịch vụ của mình trên các kênh chương trình, chương trình truyền hình trả tiền do mình cung cấp.

7. Được sử dụng mọi biện pháp kỹ thuật để cắt bỏ nội dung vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam khi phát hiện hoặc khi có yêu cầu của cơ quan chức năng.

8. Được chủ động lựa chọn các kênh chương trình truyền hình trả tiền hợp pháp không thuộc danh mục kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu theo quy định tại Quy chế này.

9. Được chủ động lựa chọn đơn vị cung cấp hạ tầng mạng để cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

10. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

11. Hoạt động kinh doanh đúng pháp luật.

Điều 26. Chế độ báo cáo

Đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền có trách nhiệm báo cáo định kỳ 06 tháng một lần vào tuần đầu tiên của tháng 01 và tuần đầu tiên của tháng 7 hàng năm; báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về các vấn đề liên quan đến việc cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành các mẫu biểu báo cáo cụ thể của các đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của thuê bao truyền hình trả tiền

Thuê bao truyền hình trả tiền có quyền và nghĩa vụ:

1. Lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền để giao kết hợp đồng cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

2. Yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến việc sử dụng dịch vụ truyền hình trả tiền.

3. Sử dụng dịch vụ truyền hình trả tiền theo chất lượng, giá cước và các quy định khác theo hợp đồng đã giao kết với đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

4. Từ chối sử dụng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ truyền hình trả tiền theo hợp đồng đã giao kết với đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

5. Được bảo đảm bí mật thông tin riêng theo quy định của pháp luật.

6. Khiếu nại về giá cước, chất lượng dịch vụ; được hoàn trả giá cước và bồi thường thiệt hại trực tiếp khác do lỗi của đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền trong trường hợp dịch vụ không được cung cấp theo đúng hợp đồng đã giao kết, trừ trường hợp bất khả kháng được quy định trong hợp đồng.

7. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn giá cước dịch vụ truyền hình trả tiền.

8. Phải thực hiện đầy đủ các điều kiện được quy định trong hợp đồng cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

9. Phải bồi thường thiệt hại trực tiếp do lỗi của mình gây ra cho đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền, trừ trường hợp bất khả kháng được quy định trong hợp đồng.

10. Không được cung cấp lại hoặc bán lại dịch vụ truyền hình trả tiền dưới mọi hình thức.

Chương V
QUẢN LÝ, CUNG CẤP HẠ TẦNG MẠNG TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

Điều 28. Đơn vị cung cấp hạ tầng mạng truyền hình trả tiền

Đơn vị cung cấp hạ tầng mạng truyền hình trả tiền là doanh nghiệp được cấp phép thiết lập mạng viễn thông và sở hữu hạ tầng mạng viễn thông đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị cung cấp hạ tầng mạng truyền hình trả tiền

Đơn vị cung cấp hạ tầng mạng truyền hình trả tiền có quyền và nghĩa vụ:

1. Được cung cấp hạ tầng mạng cho các đơn vị có giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền theo thỏa thuận và giao kết bằng hợp đồng kinh tế.

2. Bảo đảm hạ tầng mạng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

3. Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hạ tầng mạng viễn thông và các quy định trong hợp đồng giao kết với đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền.

4. Có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về truyền hình trả tiền trong công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ truyền hình trả tiền.

Điều 30. Cấp phép thiết lập hạ tầng mạng truyền hình trả tiền

Việc cấp phép thiết lập hạ tầng mạng truyền hình trả tiền được thực hiện theo quy định của pháp luật đối với việc cấp phép thiết lập mạng viễn thông.

Chương VI
THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 31. Thanh tra, kiểm tra

Mọi tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp, sử dụng dịch vụ truyền hình trả tiền, thu tín hiệu truyền hình trực tiếp từ vệ tinh chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về báo chí và pháp luật về viễn thông.

Điều 32. Xử lý vi phạm

1. Mọi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính, thu hồi giấy phép hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Việc xử lý vi phạm về nội dung thông tin trên truyền hình trả tiền áp dụng theo các quy định của pháp luật về báo chí.

Việc xử lý các vi phạm về cung cấp, sử dụng dịch vụ truyền hình trả tiền áp dụng theo các quy định của pháp luật về truyền hình trả tiền.

Việc xử lý các vi phạm về cung cấp, sử dụng hạ tầng mạng truyền hình trả tiền áp dụng như các quy định đối với việc cung cấp, sử dụng hạ tầng mạng viễn thông.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền tại Việt Nam trong trường hợp hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài hoặc đại lý được ủy quyền vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 11 hoặc khoản 6 Điều 12 Quy chế này.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép ra quyết định thu hồi Giấy phép biên tập kênh chương trình truyền hình nước ngoài trên truyền hình trả tiền trong trường hợp cơ quan báo chí được cấp phép vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 13, khoản 1 Điều 14 Quy chế này, hoặc khi Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền tại Việt Nam bị thu hồi theo khoản 2 Điều này.

4. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép ra quyết định thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm nghiêm trọng quy định về quản lý nội dung trên truyền hình trả tiền, cung cấp các chương trình, kênh chương trình quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 15, Điều 16 liên tiếp 2 lần trong vòng 6 tháng;

b) Bán lại, chuyển nhượng, cho thuê Giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền dưới mọi hình thức;

c) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Thiện Nhân